

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG DTG VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG DTG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DTG VIET NAM CONSULTANCY CONSTRUCTION CORPORATION

Tên công ty viết tắt: DTG.,CORP

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108893207

**3. Ngày thành lập:** 11/09/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 37 ngõ 44 Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903305686

Fax:

Email: dtgvietnam2019@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                         | 4211     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212     |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                              | 4221     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                     | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                              | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                       | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                 | 4293     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299     |
| 13. | Phá dỡ                                                                | 4311     |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                     | 4312     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322     |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329     |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330     |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                   | 4390     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4649 |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659 |
| 22. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4662 |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                 | 4663 |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>Bán buôn cao su<br>Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                | 4669 |
| 25. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4690 |

|     |                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                 | 4752 |
| 27. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4753 |
| 28. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4759 |
| 29. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                      | 4773 |
| 30. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                 | 4933 |
| 31. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                          | 5210 |
| 32. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                     | 5224 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                              | 5225 |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(Trừ vận tải hàng không)                                                                                                                                      | 5229 |
| 35. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ môi giới bất động sản<br>Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>Dịch vụ quản lý bất động sản | 6820 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 36. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Hoạt động kiến trúc</p> <p>Khảo sát địa hình;</p> <p>Khảo sát địa chất công trình.</p> <p>Quản lý dự án đầu tư xây dựng</p> <p>Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.</p> <p>Giám sát thi công xây dựng công trình</p> <p>Thi công xây dựng công trình</p> <p>Kiểm định xây dựng</p> <p>Lập quy hoạch xây dựng</p> <p>Thiết kế kiến trúc công trình;</p> <p>Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp;</p> <p>Thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình;</p> <p>Thiết kế xây dựng công trình giao thông;</p> <p>Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;</p> <p>Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật</p> <p>Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;</p> <p>Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;</p> <p>Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.</p> <p>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình.</p> <p>Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;</p> <p>Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng</p> <p>Đo bóc khối lượng;</p> <p>Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;</p> <p>Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;</p> <p>Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;</p> <p>Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.</p> <p>Tư vấn đấu thầu;</p> <p>Khảo sát xây dựng</p> <p>Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình</p> <p>Lập thiết kế quy hoạch xây dựng</p> <p>Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng</p> <p>Tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng</p> <p>Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng</p> | 7110(Chính) |
| 37. | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <p>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410        |
| 38. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7710        |

|     |                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 39. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                          | 7730 |
| 40. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                   | 8121 |
| 41. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                       | 8129 |
| 42. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức  | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐĂNG TUẤN | Số 37 ngõ 44 Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 273.000    | 2.730.000.000         | 70,000    | 001081021093                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       | Tổng số                   | 273.000    | 2.730.000.000         | 70,000    |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                       |                           |        |             |        |                  |
|---|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 2 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | Số 37 ngõ 44 Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 58.500 | 585.000.000 | 15,000 | 0011850269<br>21 |
|   |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                       | Tổng số                   | 58.500 | 585.000.000 | 15,000 |                  |
|   |                  |                                                                                       |                           |        |             |        |                  |
| 3 | NGUYỄN THỊ LAN   | Số 37 ngõ 44 Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 58.500 | 585.000.000 | 15,000 | 0011610105<br>62 |
|   |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                       | Tổng số                   | 58.500 | 585.000.000 | 15,000 |                  |
|   |                  |                                                                                       |                           |        |             |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐĂNG TUẤN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *02/06/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001081021093*

Ngày cấp: *08/09/2017*

Nơi cấp: *Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 37 ngõ 44 Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 37 ngõ 44 Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội